

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh

Căn cứ Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Bình Thuận; cụ thể:

- Xây dựng nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa đồng thời phát triển nông nghiệp dựa trên lợi thế địa phương, theo hướng hiện đại có năng suất, chất lượng, hiệu quả, bền vững và sức cạnh tranh cao, tiếp tục thực hiện an ninh lương thực quốc gia, góp phần quan trọng trong việc ổn định kinh tế - xã hội, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, thực hiện giảm phát thải khí nhà kính trên địa bàn tỉnh. Nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống, vai trò và vị thế của người tham gia sản xuất nông nghiệp; tạo việc làm phi nông nghiệp, đảm bảo cơ hội phát triển công bằng giữa các vùng, miền. Phát triển nông thôn toàn diện, hiện đại gắn với quá trình đô thị hóa, có cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội đồng bộ và tiệm cận với khu vực đô thị; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; xây dựng nông thôn xanh, sạch, đẹp, an ninh, trật tự được đảm bảo. Phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp hiện đại, bền vững, nông nghiệp sinh thái có hiệu quả cao, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh.

- Phấn đấu đến năm 2030, ngành nông nghiệp của tỉnh đạt trình độ khá về ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ; có hệ sinh thái phát triển bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng GDP nông lâm thủy sản đạt bình quân từ 2,5 - 3%/năm, tốc độ tăng năng suất lao động nông lâm thủy sản đạt bình quân từ 6 - 6,5%/năm.

- Mở rộng và phát triển thị trường, nhất là thị trường xuất khẩu. Tốc độ tăng giá trị xuất khẩu nông lâm thủy sản đạt bình quân từ 5 - 6%/năm.

- Nâng cao thu nhập người dân, giảm nghèo bền vững. Thu nhập của cư dân nông thôn cao hơn 2,5 - 3,0 lần so với năm 2020. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều ở nông thôn giảm bình quân 1 - 1,5%/năm.

- Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm xuống dưới 30%, tỷ lệ lao động nông nghiệp được đào tạo đạt trên 60%.

- Toàn tỉnh có ít nhất 90% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; có ít nhất 07 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 03 đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Phát triển nền nông nghiệp xanh, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm ô nhiễm môi trường nông thôn, giảm phát thải khí nhà kính. Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định ở mức 43%, diện tích rừng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững đạt trên 14.000 ha.

- Tăng diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt 3 - 5% diện tích tự nhiên vùng biển tỉnh.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Phấn đấu Bình Thuận có nền nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với ngành công nghiệp chế biến nông sản hiện đại, hiệu quả, thân thiện với môi trường. Nông thôn không còn hộ nghèo và trở thành “nơi đáng sống”, văn minh, xanh, sạch, đẹp với điều kiện sống, thu nhập dân cư nông thôn tiệm cận và kết nối chặt chẽ, hài hòa với đô thị.

II. NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN BỀN VỮNG

1. Hoàn chỉnh cơ cấu sản xuất nông nghiệp gắn với lợi thế cạnh tranh và yêu cầu thị trường

Nghiên cứu, xác định cụ thể và ưu tiên tập trung thúc đẩy phát triển các sản phẩm nông nghiệp có lợi thế của tỉnh, địa phương theo 02 nhóm sản phẩm (nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh và nhóm sản phẩm đặc sản địa phương); xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn theo các tiêu chuẩn và yêu cầu của thị trường; xây dựng cơ sở hạ tầng, tổ chức dịch vụ hỗ trợ đồng bộ, hệ thống hậu cần thông suốt; đổi mới mạnh mẽ hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị và thúc đẩy hợp tác, liên kết chặt chẽ giữa các địa phương của tỉnh và liên kết vùng, kết nối chuỗi giá trị.

- Định hướng theo nhóm sản phẩm chủ lực:

+ Đối với nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh: Đẩy mạnh sản xuất theo các quy trình sản xuất tốt và tương đương, tăng cường chế biến để đa dạng hóa sản phẩm, phát triển các sản phẩm có chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc.

+ Đối với nhóm sản phẩm đặc sản địa phương có quy mô nhỏ, tập trung vào các sản phẩm đặc sản nhằm phát huy bản sắc, lợi thế của các địa phương, gắn với xây dựng nông thôn mới theo mô hình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP). Hoàn thiện sản phẩm theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, bao bì, nhãn mác gắn với truy xuất nguồn gốc, thương hiệu địa phương và nhãn hiệu hàng hóa; tăng cường áp dụng công nghệ số trong quản lý và thương mại sản phẩm để từng bước đẩy mạnh thương hiệu OCOP của tỉnh trên thị trường trong nước và hướng đến thị trường xuất khẩu.

- Đối với từng lĩnh vực sản xuất chiến lược:

+ Trồng trọt: Đẩy mạnh cơ cấu lại cây trồng phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường; cơ cấu lại quy mô sản xuất, hình thành các vùng chuyên canh quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, sạch, hữu cơ đạt tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, có điều kiện kết hợp nông nghiệp với du lịch; có bước đi phù hợp để thúc đẩy phát triển các cây trồng mới có triển vọng như cây dược liệu, cây cảnh,... Tận dụng điều kiện để phát triển hợp lý các cây trồng ít lợi thế hơn nhằm phục vụ chế biến và tiêu dùng trong nước (ngô, mì, ...).

+ Chăn nuôi: Phát triển các ngành hàng có tiềm năng và thị trường như thịt gia cầm, trứng; duy trì chăn nuôi lợn và bò. Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm, vật nuôi bản địa, đặc sản có giá trị cao, đảm bảo an toàn thực phẩm, bền vững môi trường, an toàn sinh học, và dịch bệnh. Phát triển chăn nuôi công nghiệp áp dụng công nghệ cao tại các trang trại và doanh nghiệp lớn, đồng thời khuyến khích chăn nuôi hộ truyền thống có cải tiến theo hướng chuyên nghiệp hóa, chăn nuôi hữu cơ. Xây dựng các vùng chăn nuôi tập trung xa nơi dân cư tập trung, thuận lợi cho xử lý môi trường và phòng tránh dịch bệnh. Quản lý và sử dụng hiệu quả chất thải chăn nuôi, thúc đẩy các mô hình kinh tế tuần hoàn trong chăn nuôi.

+ Thủy sản: Phát triển khai thác thủy sản vùng khơi hiệu quả, bền vững trên cơ sở giảm dần cường lực khai thác, cân đối với trữ lượng nguồn lợi thủy sản, tái bố trí sinh kế của cộng đồng ngư dân sang phát triển nuôi trồng, chế biến thủy sản, dịch vụ du lịch,... Tổ chức lại hoạt động khai thác hải sản vùng lộng, vùng ven bờ hợp lý. Tăng cường bảo vệ, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản gắn với bảo tồn đa dạng sinh học. Tiếp tục áp dụng khoa học công nghệ và phát triển kinh tế hợp tác thu hút đầu tư doanh nghiệp để hiện đại hóa quản lý nguồn lợi thủy sản và hoạt động của đội tàu khai thác, hoàn chỉnh đầu tư dịch vụ hạ tầng cơ sở nghề cá tại các vùng tập trung ngư trường, hải đảo.

Đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản trên biển theo hướng công nghiệp, hiện đại, hiệu quả, gắn với phát triển kinh tế biển, bảo vệ môi trường sinh thái, an ninh, quốc phòng.

+ Lâm nghiệp: Xây dựng ngành lâm nghiệp góp phần đắc lực vào phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, an ninh nguồn nước, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, giữ vững quốc phòng và an ninh. Trong đó: tập trung quản lý chặt chẽ, bảo vệ và sử dụng bền vững rừng tự nhiên hiện có; đẩy mạnh tái sinh tự nhiên, nâng cao chất lượng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ nhất là những khu vực nhạy cảm về môi trường; phát triển du lịch sinh thái và kinh tế dưới tán rừng. Nâng cao chất lượng, hiệu quả kinh doanh đối với rừng trồng sản xuất; hình thành một số vùng chuyên canh tập trung, đạt tiêu chuẩn bền vững để đáp ứng cơ bản nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gỗ và sản xuất thủ công nghiệp. Đẩy mạnh phát triển lâm sản ngoài gỗ, trồng cây dược liệu dưới tán rừng, các dịch vụ môi trường rừng (bao gồm cả trao đổi, buôn bán tín chỉ các-bon từ rừng), du lịch sinh thái. Phân cấp, giao quyền cho các tổ chức, cộng đồng, cá nhân, hộ gia đình trong việc quản lý, sử dụng rừng và đất rừng để huy động tối đa các nguồn lực xã hội trong quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững rừng và diện tích đất được quy hoạch cho lâm nghiệp, cải thiện sinh kế của người dân.

2. Tổ chức các khâu quan trọng trong sản xuất nâng cao hiệu quả, đảm bảo phát triển bền vững

- Đẩy mạnh công tác chuyển giao và ứng dụng giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có năng suất, chất lượng và khả năng chống chịu; lưu ý bảo tồn và phát triển giống bản địa. Tổ chức sản xuất, kinh doanh giống đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất giống theo hướng công nghiệp hiện đại, tăng cường công tác quản lý giống.

- Tăng cường quản lý, sử dụng và kinh doanh vật tư nông nghiệp hướng tới nền sản xuất nông nghiệp chuyên nghiệp, có trách nhiệm, hữu cơ¹.

- Nâng cao trình độ cơ giới hóa, tự động hóa đồng bộ từ sản xuất đến thu hoạch, bảo quản, chế biến theo chuỗi giá trị, trước hết đối với các sản phẩm chủ lực của tỉnh. Hỗ trợ nông dân đầu tư, áp dụng các thiết bị cơ giới tiên tiến, nhà kính, nhà lưới, chuồng trại chăn nuôi, nuôi trồng hiện đại, gắn với các quy trình sản xuất tiên tiến, công nghệ cao.

- Tập trung xây dựng các vùng sản xuất chuyên canh đảm bảo tiêu chuẩn bền vững, đáp ứng theo từng nhóm thị trường. Xây dựng một số khu nông

¹ Tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ, phân bón vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học... và sử dụng sinh vật có ích trên cây trồng chủ lực nhằm bảo vệ sản xuất, kiểm soát mức độ suy thoái đất, bảo vệ "sức khỏe" đất, sức khỏe con người, động vật và môi trường sinh thái. Nghiên cứu phát triển các hiệp hội sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, có đại diện tham gia cùng các cơ quan quản lý Nhà nước trong công tác điều hành, kiểm tra, giám sát tình hình sản xuất, lưu thông, sử dụng các vật tư một cách minh bạch và hiệu quả.

nghiệp công nghiệp cao với cơ sở hạ tầng đầy đủ để kêu gọi đầu tư. Đẩy mạnh giám sát, cảnh báo, an toàn sản xuất.

- Tăng tỷ trọng chế biến sâu để nâng cao giá trị nông sản. Đầu tư nâng cao năng lực chế biến, bảo quản và các dịch vụ logistics cho các vùng chuyên canh. Hình thành các vùng nguyên liệu tập trung, cung cấp đủ nguyên liệu đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng cho cơ sở chế biến. Thu hút doanh nghiệp “đầu tàu” có đủ năng lực về vốn, khoa học công nghệ và thị trường².

3. Thúc đẩy hợp tác, liên kết, phát triển chuỗi giá trị, các mô hình nông nghiệp tiên tiến

- Chuyển mạnh từ xây dựng các “chuỗi cung ứng nông sản” sang phát triển các “chuỗi giá trị ngành hàng”. Xây dựng chuỗi giá trị cho ngành hàng chủ lực của tỉnh. Dựa vào các vùng chuyên canh hàng hóa quy mô lớn của các sản phẩm chủ lực, phát triển hợp tác xã, giảm dần các khâu trung gian, tăng cường liên kết với các doanh nghiệp chế biến hoặc thương mại lớn để hình thành các chuỗi giá trị; lấy chuỗi giá trị của các nông sản để kết nối các vùng chuyên canh nhỏ. Gắn kết các tác nhân trong chuỗi theo nguyên tắc minh bạch, trách nhiệm, cùng chia sẻ lợi ích theo mức độ đóng góp giá trị.

- Đẩy mạnh triển khai thí điểm và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp mới, làm hình mẫu cho các vùng chuyên canh, đáp ứng các yêu cầu thị trường như: nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp xanh, tiết kiệm tài nguyên và giảm thải; nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp kết hợp công nghiệp (chế biến nông sản, tái chế phế, phụ phẩm, sản xuất năng lượng tái tạo,...), nông nghiệp kết hợp dịch vụ (du lịch trải nghiệm, dịch vụ bảo vệ môi trường,...).

4. Phát triển kinh tế nông thôn tạo việc làm và tăng thu nhập cho dân cư nông thôn

- Đầu tư phát triển các khu, cụm công nghiệp, dịch vụ ở khu vực nông thôn, thực hiện tốt các chính sách thu hút đầu tư để khuyến khích các doanh nghiệp công nghiệp, dịch vụ đầu tư vào nông thôn, nhất là các ngành sử dụng nhiều lao động, để từng bước giảm tình trạng di cư lao động từ nông thôn ra thành thị.

- Phát triển mạnh kinh tế dịch vụ ở khu vực nông thôn, đa dạng hóa các loại hình, quy mô,... để tạo việc làm, thu hút lực lượng lao động không tham gia sản xuất nông nghiệp.

- Nâng cao hiệu quả, thu nhập từ sản xuất nông nghiệp, từng bước hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, tạo điều kiện cho nông dân phát triển

² Để dẫn dắt chuỗi giá trị hiệu quả để phát triển các cụm liên kết sản xuất - chế biến và tiêu thụ tại các vùng sản xuất có sản lượng nông sản lớn, thuận lợi giao thông, lao động, logistics.

kinh tế, trang trại và kinh tế hợp tác. Khuyến khích, hỗ trợ nông dân tại các vùng chuyên canh tham gia các chương trình đào tạo có chứng chỉ để sản xuất ra sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng và các yêu cầu mới của thị trường (nông nghiệp cảnh quan, nông nghiệp trách nhiệm, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao,...). Thông qua Liên minh hợp tác xã tỉnh và Hội nông dân tỉnh xây dựng chương trình, tổ chức các lớp đào tạo miễn phí nhằm nâng cao trình độ chuyên môn về an toàn lao động, bảo vệ môi trường, sử dụng máy móc cơ giới, sử dụng phân bón, thuốc hóa học đúng cách, sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý,...

5. Xây dựng nông thôn văn minh, hiện đại gắn với đô thị hóa, giữ gìn văn hóa truyền thống

- Tiếp tục nâng cấp và hiện đại hóa hạ tầng nông thôn đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị. Tập trung xây dựng, hoàn thiện, bảo trì hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống giao thông, thủy lợi, công trình cấp nước sạch tập trung, hạ tầng công nghệ thông tin, thương mại, y tế giáo dục, văn hóa, thể thao. Khuyến khích tối đa đầu tư tư nhân, đầu tư theo hình thức hợp tác công tư gắn với nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng.

- Thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương, đảm bảo thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả và bền vững, tránh dàn trải, lãng phí. Tập trung nguồn lực đầu tư, hỗ trợ đầu tư các xã, nhất là các xã đạt dưới 15 tiêu chí; hỗ trợ các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục duy trì, hoàn thiện và nâng cao chất lượng các tiêu chí, bảo đảm bền vững. Khuyến khích xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Môi trường, cảnh quan nông thôn xanh, sạch, đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống; hệ thống chính trị ở nông thôn được tăng cường; quốc phòng và an ninh trật tự được giữ vững; đưa nông thôn trở thành “nơi đáng sống”. Xây dựng nông thôn mới thông minh, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số nhằm thay đổi căn bản hoạt động quản lý, điều hành, giám sát của cơ quan chính quyền; hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, làng nghề, góp phần thu hẹp khoảng cách thụ hưởng dịch vụ xã hội cơ bản với thành thị.

6. Phát triển bao trùm, đảm bảo công bằng phúc lợi xã hội ở nông thôn

- Lấy người dân nông thôn là chủ thể, trọng tâm phát triển, đảm bảo tiếp cận bình đẳng các nguồn lực phát triển (vốn, đất, nước, năng lượng, khoa học công nghệ,...), các dịch vụ cơ bản, phúc lợi xã hội (dinh dưỡng, y tế, giáo dục, thể thao, văn hóa, thông tin, giao thông...), các cơ hội (học, làm việc, thị trường,...). Triển khai tốt các chính sách phúc lợi xã hội công bằng (nhà ở và nơi định cư, bảo hiểm chữa bệnh, chế độ về hưu,...) cho người dân nông thôn;

hướng tới bình đẳng giới. Chủ động phòng, chống rủi ro, đảm bảo địa bàn cư trú và đời sống của cư dân nông thôn an ninh và an toàn trước thiên tai, dịch họa, dịch bệnh và các biến động bất lợi. Thực hiện có hiệu quả các chính sách giảm nghèo bền vững, tiến đến xóa nghèo.

7. Xây dựng cộng đồng vững mạnh làm nòng cốt phát triển nông thôn, sản xuất nông nghiệp

- củng cố truyền thống văn hóa tốt đẹp và quan hệ gắn kết cộng đồng đa dạng tại nông thôn (thôn bản, dòng họ,...)³. Hỗ trợ và phát huy vai trò của cộng đồng và người dân trong việc bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống tốt đẹp của địa phương, đấu tranh đẩy lùi hủ tục, văn hóa ngoại lai, không phù hợp, thiết thực phát huy các phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”.

- Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; phát huy vai trò của các tổ chức cộng đồng, quy ước, hương ước, thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” nhằm tạo động lực để khơi dậy sức mạnh và nguồn lực nhân dân trong quá trình phát triển sản xuất, xây dựng nông thôn mới, quản lý và bảo vệ rừng, tài nguyên thiên nhiên, giữ gìn an ninh trật tự tại cơ sở.

8. Bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan thích nghi biến đổi khí hậu

- Phát triển cảnh quan nông thôn trên cơ sở phát huy lợi thế từng địa phương, đảm bảo xanh, sạch, đẹp, thân thiện và hài hòa với thiên nhiên. Trong thực hiện lập quy hoạch phải xác định không gian hợp lý để các ngành sản xuất có tác động nhiều đến môi trường như chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, giết mổ, xử lý chất thải... cách xa các khu đô thị, vùng dân cư đông dân, khu du lịch nghỉ dưỡng.... Tập trung bảo vệ rừng phòng hộ và đặc dụng, các khu bảo tồn thiên nhiên, các hồ chứa.

- Từng bước giảm dần sức ép của phát triển kinh tế - xã hội với môi trường⁴. Thường xuyên khảo sát, đánh giá trữ lượng tài nguyên sinh học trên biển để điều tiết năng lực đánh bắt; xác định các giải pháp điều tiết xâm nhập mặn ở cửa sông, cửa biển theo nguyên tắc “Không hối tiếc” để duy trì cân đối sinh thái sông - biển, đảm bảo khả năng tái tạo đa dạng sinh học và duy trì năng lực tự làm sạch ô nhiễm của tự nhiên.

³ Đề chủ động phát huy nội lực và tinh thần tự chủ, tự hào, đoàn kết, sáng tạo trong các hoạt động đời sống, phát triển kinh tế, tăng hiệu quả quản lý xã hội và tài nguyên thiên nhiên.

⁴ Bằng các giải pháp như: Hạn chế tối đa lạm dụng hóa chất, nguyên vật liệu tổng hợp, khó phân hủy; tạo điều kiện tái tạo các nguồn tài nguyên cơ bản như đất, nước, năng lượng (sản xuất năng lượng tái tạo, tích lũy nước mưa, xử lý rác thải ở quy mô hộ, quy mô cơ sở sản xuất,...); đẩy mạnh chế biến sâu, tận dụng phụ phẩm nông sản và xử lý ô nhiễm ngay tại nguồn.

- Chủ động thích ứng biến đổi khí hậu bằng áp dụng các biện pháp canh tác thích nghi⁵; áp dụng rộng rãi các biện pháp kỹ thuật thân thiện với môi trường⁶. Tăng cường sử dụng nguyên liệu vi sinh hoặc hữu cơ, áp dụng kỹ thuật thông minh, kinh tế tuần hoàn để tiết kiệm đầu vào, phát triển mạnh tiềm năng sản xuất năng lượng tái tạo kết hợp nông nghiệp để giảm bớt lượng nguyên liệu hóa thạch, giảm phát thải cacbon. Tăng cường trồng rừng, phát triển các cây lâu năm có sinh khối lớn; nghiên cứu phát triển nuôi trồng các loại rong tảo trên biển để hấp thụ bớt các-bon.

III. CÁC GIẢI PHÁP CHÍNH

1. Tuyên truyền, giáo dục đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức và hành động

Tiếp tục tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong giai đoạn phát triển mới, về cơ cấu lại nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, bền vững, có giá trị gia tăng, nông dân văn minh. Nội dung tuyên truyền, thống nhất từ nhận thức đến hành động của từng nhóm đối tượng với những nội dung chính như: Phát triển nền nông nghiệp bền vững; phát triển nông nghiệp theo hướng hữu cơ, nông nghiệp sinh thái; chuyển từ ngành sản xuất sang phát triển nền kinh tế nông nghiệp; công nghiệp công nghệ cao; phát triển nông nghiệp có trách nhiệm; đẩy mạnh tư duy phát triển bao trùm⁷.

2. Đổi mới tổ chức sản xuất kinh doanh, hoàn thiện quan hệ sản xuất

- Thực hiện chính sách hỗ trợ nông dân tiếp cận thị trường, nguồn vốn, mua sắm máy móc, tích tụ đất đai, áp dụng công nghệ để phát triển theo hướng chuyên nghiệp hóa, tăng quy mô sản xuất và tham gia hợp tác xã, liên kết với doanh nghiệp trong các chuỗi giá trị. Hỗ trợ nông hộ chuyển sang phi nông nghiệp. Hỗ trợ nông dân kinh doanh khởi nghiệp, khởi nghiệp làm nghề nông...

⁵ Phát triển nuôi trồng thủy sản ở những vùng nước biển dâng, xâm nhập mặn nếu có; chuyển sang trồng hoa màu và cây trồng cạn ở những nơi giảm lượng mưa,...

⁶ Làm đất tối thiểu, bón phân và phun thuốc thông minh, tưới tiết kiệm nước, chăn nuôi tiết kiệm nước, sử dụng các giống cây trồng, vật nuôi có khả năng chống chịu,...

⁷ Nội dung tuyên truyền: (1) Phát triển nền nông nghiệp bền vững: Đảm bảo cơ hội phát triển cho các thế hệ tương lai, khả năng thích ứng và chống chịu biến động, cân đối, hài hòa các yếu tố môi trường, xã hội và kinh tế, tái tạo nguyên liệu, năng lượng, ... trong sản xuất. (2) Phát triển nông nghiệp theo hướng hữu cơ, nông nghiệp sinh thái: Áp dụng các quy trình sản xuất thân thiện môi trường, bảo vệ cảnh quan; sử dụng hợp lý, tiết kiệm vật tư và tài nguyên đầu vào, không gây ảnh hưởng xấu tới môi trường, sức khỏe con người; tôn trọng và vận dụng các quy luật tự nhiên để phát triển nông nghiệp thuận thiên, đa dạng. (3) Chuyển từ ngành sản xuất sang phát triển nền kinh tế nông nghiệp. Từ phạm vi sản xuất nông nghiệp sang tích hợp đa ngành dịch vụ, công nghiệp; từ đơn giá trị nông sản sang tích hợp sản phẩm đa giá trị; từ tập trung hỗ trợ người sản xuất sang hỗ trợ tất cả các tác nhân trong chuỗi giá trị. (4) Nông nghiệp công nghệ cao: Phát triển và ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ để nâng cao năng suất, giá trị, chất lượng, khả năng thích nghi, hiệu quả sản xuất, giảm tổn thất... Phát triển nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác, ứng dụng công nghệ số, ... (5) Phát triển nông nghiệp có trách nhiệm: Đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng về vệ sinh an toàn thực phẩm, môi trường sinh thái và công bằng xã hội, thích ứng biến đổi khí hậu...; bảo vệ quyền lợi, chính đáng của người sản xuất và kinh doanh, đảm bảo công bằng cho người sản xuất nhỏ, các đối tượng yếu thế. Phát triển thị trường xuất khẩu đi đôi với thị trường nội địa.

- Tiếp tục đổi mới, phát triển hợp tác xã trở thành tác nhân kinh tế quan trọng trong sản xuất và tiêu thụ, kết nối các thành phần trong chuỗi giá trị, đặc biệt là doanh nghiệp. Tạo điều kiện hợp tác xã tiếp cận thị trường, nguồn vốn, mua và phân phối chung vật tư đầu vào, liên kết với doanh nghiệp tiêu thụ nông sản đầu ra và cung cấp các dịch vụ phục vụ sản xuất. Xây dựng các liên hiệp các hợp tác xã có cùng nhóm sản phẩm hoặc cùng tham gia một chuỗi giá trị nhằm tăng quy mô, nâng cao hiệu quả.

- Phát huy vai trò của các Hiệp hội trong công tác nghiên cứu và mở rộng thị trường, đồng thời hỗ trợ các cơ quan chức năng trong đàm phán và mở cửa thị trường cho nông sản xuất khẩu.

3. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề; trình độ, hiệu quả công tác nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Đổi mới hình thức tổ chức và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho nông dân, lao động trẻ nông thôn muốn khởi nghiệp các kỹ năng về nông nghiệp, kỹ năng mới đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và thực hiện chuyển đổi số, kinh tế số theo hướng “trí thức hóa nông dân”; phát huy mạnh mẽ tiềm năng sáng tạo của người dân nông thôn; chuyển mạnh sang đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường.

- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học có trọng tâm, trọng điểm gắn với chuyển giao, ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến và chuyển đổi số, coi đây là một trong những động lực và giải pháp có tính chất quyết định sự thành công của tái cấu trúc ngành nông nghiệp⁸. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao và thành quả của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, bao gồm công nghệ sinh học, công nghệ số, công nghệ thông tin trong các khâu của chuỗi giá trị, kết nối đồng bộ với các ngành, lĩnh vực khác để hình thành nền sản xuất nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác.

- Đẩy mạnh đặt hàng và đấu thầu nhiệm vụ khoa học công nghệ nhằm khuyến khích rộng rãi nhiều thành phần tham gia nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ (nhà nước - tổ chức nghiên cứu - doanh nghiệp - tổ chức chuyển giao và nông dân) nhằm gắn chặt chẽ với yêu cầu thực tiễn. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khoa học công nghệ, trọng dụng và phát triển đối với lực lượng nghiên cứu khoa học tránh tình trạng chảy máu chất xám trong các đơn vị sự nghiệp công lập, bồi dưỡng lực lượng chuyên gia chuyên ngành.

- Đổi mới mạnh mẽ hình thức tổ chức và hoạt động khuyến nông, đảm bảo bộ máy tinh, gọn, hiệu quả, phù hợp với từng loại hình sản xuất và địa

⁸ Ưu tiên nghiên cứu phát triển hệ thống sản xuất sử dụng hiệu quả và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, thân thiện với môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính; phát triển công nghệ chế biến sâu, công nghệ bảo quản, giảm tổn thất, lãng phí trong hệ thống lương thực, thực phẩm.

phương; tăng cường phối hợp giữa khuyến nông nhà nước với khuyến nông của doanh nghiệp; phát triển khuyến nông điện tử, khuyến nông cộng đồng hoạt động có hiệu quả ở cơ sở (cấp xã); phân cấp hoạt động khuyến nông cho các tổ chức nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp. Phối hợp chặt chẽ công tác đào tạo, nghiên cứu và khuyến nông.

4. Phát triển thị trường trong và ngoài nước đảm bảo đầu ra ổn định cho nông sản

- Với thị trường trong nước: Kết nối hệ thống chế biến, phân phối với các vùng chuyên canh để đưa nông sản vào các hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại trong nước. Hình thành hệ thống chợ đầu mối gắn với chuỗi logistics ở các vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp; hiện đại hóa hệ thống chợ phù hợp với tập quán và điều kiện của tỉnh. Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và hệ thống trang thiết bị để các tổ chức nông dân và hợp tác xã chủ động xây dựng được hệ thống kinh doanh bán lẻ tại các thị trường nội địa chính trong nước. Đây mạnh cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, tạo điều kiện các đơn vị sản xuất kinh doanh phát triển thương mại điện tử, xây dựng các kênh phân phối, liên kết trực tiếp giữa vùng sản xuất với thị trường tiêu thụ sản phẩm cuối cùng.

- Với thị trường xuất nhập khẩu: Chủ động phát huy cơ hội các Hiệp định thương mại tự do đã được ký kết để giữ ổn định các thị trường truyền thống, mở rộng thị trường mới, tránh phụ thuộc vào một vài thị trường. Không khuyến khích hình thức buôn bán tiểu ngạch qua biên giới, thúc đẩy kinh doanh chính ngạch. Cung cấp thông tin hiệu quả, kịp thời để doanh nghiệp và người sản xuất chủ động thích nghi với những thay đổi về chính sách, các cam kết thương mại quốc tế.

- Nâng cao năng lực dự báo, đánh giá, cảnh báo thông tin về thị trường các nông sản chủ lực, kịp thời cung cấp thông tin⁹. Ứng dụng công nghệ số để giám sát nguồn cung tại các vùng sản xuất nông nghiệp chính, đánh giá nhu cầu tại các thị trường chính trong và ngoài nước, giám sát lưu thông, tồn trữ hàng hóa vận chuyển tại các cửa khẩu giao dịch chính. Hỗ trợ năng lực tiếp cận thị trường cho các doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã và hộ nông dân (đăng ký bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể, xây dựng chỉ dẫn địa lý, thiết lập mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói, bảo hộ sở hữu trí tuệ, bảo hộ bản quyền thương hiệu,...).

5. Xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng

Ưu tiên nguồn lực đầu tư các công trình thủy lợi lớn, đa mục tiêu, nối mạng, vùng sản xuất công nghệ cao. Phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành Trung ương thúc đẩy dự án hồ chứa nước La Ngà 3; khởi công hồ chứa nước Ka Pét.

⁹ Để các cơ quan chức năng, doanh nghiệp và người dân chủ động điều chỉnh sản xuất phù hợp với yêu cầu thị trường, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng thừa cung, ứ ứ hàng hóa, đứt gãy chuỗi cung ứng.

Triển khai giai đoạn 2 dự án hồ Sông Dinh 3 và hệ thống kênh nhánh, kênh tiếp nước liên huyện phía Nam tỉnh, kênh chính Bắc Sông Quao, hệ thống kênh mương hồ Sông Lũy... Triển khai mạnh các giải pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

- Đầu tư mạng lưới quan trắc thủy văn ở lưu vực các hồ thủy lợi để chủ động điều tiết nguồn nước và ứng phó với hạn hán, lũ lụt. Nâng cấp, mở rộng các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung kết nối liên xã, liên huyện, đảm bảo chủ động nguồn nước phục vụ sinh hoạt cho nhân dân, nhất là vùng khô hạn.

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phòng chống thiên tai đồng bộ, hiện đại, đảm bảo đủ khả năng chống chịu trước thiên tai và giảm thiểu thiệt hại về người và sản xuất do thiên tai gây ra, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại. Nâng cấp trang thiết bị, công nghệ dự báo, cảnh báo thiên tai.

Tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương và huy động các nguồn lực của tỉnh để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cảng cá, khu neo đậu, kè biển, kè sông, phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển, các công trình, dự án phát triển nông nghiệp và phòng, chống thiên tai theo quy hoạch⁽¹⁰⁾. Nâng cấp hệ thống thông tin liên lạc cảnh báo thiên tai đến người dân và tàu thuyền hoạt động trên biển. Đầu tư cơ sở hạ tầng cho các vùng nuôi trồng thủy sản trên bờ và trên biển, cơ sở sản xuất giống thủy hải tập trung; hoạt động khảo nghiệm kiểm nghiệm, kiểm định nuôi trồng thủy sản.

- Nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng thiết yếu (điện, đường, trường, trạm, viễn thông), nhất là phát triển đường, điện cho vùng sản xuất tập trung. Tập trung đầu tư hạ tầng giao thông nội đồng, giao thông kết nối các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn với các đường tỉnh lộ, quốc lộ để thúc đẩy liên kết theo chuỗi giá trị. Phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ chuỗi lạnh, bảo quản, chế biến sau thu hoạch, nhất là các kho dự trữ, bảo quản, kho lạnh, kho chứa lương thực, thực phẩm.

- Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng lâm nghiệp để bảo vệ và phát triển rừng; bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học. Phát triển hệ thống đường lâm nghiệp gắn kết vùng nguyên liệu quy mô, tập trung với nhà máy chế biến.

- Từng bước xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật số phục vụ sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, tạo điều kiện hiện đại hóa nông thôn.

6. Đổi mới và nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước

- Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống bộ máy quản lý ngành; hạn chế can thiệp bằng các biện pháp hành chính vào các quyết định sản xuất, kinh doanh thuộc năng lực và trách nhiệm của người dân, doanh nghiệp.

¹⁰ Trong đó sớm triển khai giai đoạn 2 Dự án Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp cảng cá Phú Quý và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá bức xúc tại Mũi Né, Chí Công, Ba Đàng, các công trình kè biển...

- Tinh giảm thủ tục, minh bạch thông tin, quy trình hóa công việc gắn với trách nhiệm cụ thể từng cá nhân, tổ chức. Tuyển dụng, đào tạo, sử dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức đảm bảo năng lực chuyên nghiệp và đạo đức, trách nhiệm. Phát triển đội ngũ chuyên gia đầu ngành nông nghiệp; thực hiện tư vấn, đối thoại thường xuyên với đại diện nông dân và doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, phân cấp cho các tổ chức nông dân, kinh tế hợp tác và khối tư nhân tham gia cung cấp dịch vụ công (khuyến nông, nghiên cứu khoa học, thông tin thị trường,... gắn với kinh tế hợp tác, với hội đồng ngành hàng, hiệp hội doanh nghiệp,...). Khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển hệ thống tư vấn, dịch vụ kỹ thuật phục vụ khách hàng. Tập trung nguồn lực và kinh phí vào dịch vụ bảo vệ sản xuất (thú y, bảo vệ thực vật, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, kiểm lâm, phòng chống thiên tai...) để phòng chống dịch bệnh, quản lý rủi ro. Phối hợp đồng bộ công tác kiểm dịch, dự báo, cảnh báo, chỉ đạo can thiệp và tư vấn phòng chống, kiểm dịch cửa khẩu, kiểm soát hàng hóa, kiểm soát thị trường, kiểm dịch nội địa, kiểm tra sản xuất, thông tin dịch bệnh...

- Đổi mới, nâng cao vai trò của Hội Nông dân, Liên minh Hợp tác xã để thực sự trở thành đại diện bảo vệ quyền lợi và phục vụ cho nông dân và thành viên hợp tác xã. Nâng cao vị thế, vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội; các hội, hiệp hội nghề nghiệp, đưa các tổ chức xã hội ở nông thôn vào tham gia quá trình phát triển kinh tế xã hội, môi trường, thể chế trong nông nghiệp, nông thôn. Xây dựng cộng đồng dân cư ở nông thôn hiện đại, dân chủ, công bằng, văn minh để người dân thực sự đóng vai trò chủ thể, trung tâm của quá trình phát triển.

7. Thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn

- Phát triển và hướng đến đồng bộ các công cụ phục vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn, số hóa, tạo lập dữ liệu, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu đất đai nông nghiệp, cây trồng, vật nuôi, thủy sản, thủy lợi, phòng chống thiên tai, dịch bệnh; kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu ngành, lĩnh vực phục vụ chỉ đạo, điều hành của các cơ quan nhà nước và sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp.

- Phát triển các mô hình nông nghiệp thông minh ứng dụng công nghệ số trong nông nghiệp nông thôn. Phát triển quản lý chuỗi cung ứng nông sản theo ứng dụng blockchain, quản lý nông sản từ quá trình sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, vận chuyển, chế biến và tiêu thụ sản phẩm tạo sự minh bạch thông tin, đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Xây dựng và nhân rộng các mô hình làng thông minh, làng nông thuận thiên ứng dụng công nghệ số.

- Từng bước xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu số sản xuất, kinh doanh nông nghiệp (quản lý đất đai, số hóa vùng trồng, cây trồng, vật nuôi, rừng, thủy sản, thủy lợi, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, thị trường,...).

- Thúc đẩy nhanh quá trình hỗ trợ nông dân chuyển đổi số trong sản xuất và tiêu thụ nông sản, thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn, khuyến khích hộ sản xuất nông nghiệp tiếp cận ứng dụng công nghệ số, đưa sản phẩm nông sản lên sàn giao dịch thương mại điện tử.

8. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý rủi ro

- Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu để thích ứng, phát triển sản xuất kinh doanh nông nghiệp theo hướng "thuận thiên". Áp dụng các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính thông qua quản lý và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên đầu vào; xử lý và tái sử dụng phụ phẩm, chất thải nông nghiệp; quản lý và sử dụng bền vững diện tích rừng hiện có, đẩy mạnh trồng rừng, hình thành vùng nguyên liệu (nhất là rừng gỗ lớn) và tái sinh tự nhiên để tăng độ che phủ và khả năng hấp thụ, lưu giữ các-bon của rừng; phát triển nông nghiệp sinh thái, đa dạng thích ứng với biến đổi khí hậu; khuyến khích áp dụng các công nghệ hiện đại, các giống cây trồng, vật nuôi có tính chống chịu cao, xác lập cơ chế giám sát chặt chẽ để thúc đẩy phát triển nông nghiệp xanh, phát thải các-bon thấp. Tăng cường chuyển giao các giống vật nuôi, cây trồng thích ứng được với điều kiện biến đổi khí hậu. Khuyến khích các giải pháp tiết kiệm nước.

- Thực hiện tốt công tác cảnh báo, dự báo, xác định rủi ro, làm cơ sở đề ra các giải pháp đồng bộ, chủ động bảo vệ sản xuất nước các nguy cơ về dịch bệnh, thiên tai, ô nhiễm môi trường. Phát triển hài hòa các lợi ích xã hội, kinh tế và môi trường.

9. Triển khai một số cơ chế, chính sách

Cụ thể hóa, triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách của Đảng, Nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn phù hợp thực tế tại địa phương. Nghiên cứu ban hành một số chính sách đặc thù theo thẩm quyền của tỉnh để thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông thôn theo định hướng, mục tiêu đề ra tại địa phương theo hướng dẫn của trung ương.

IV. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

Thực hiện đa dạng nguồn vốn huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để triển khai thực hiện Kế hoạch.

1. Nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Kinh phí lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án đầu tư công.

3. Kinh phí vận động, huy động từ các nhà tài trợ nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân trong, ngoài nước và kinh phí hợp pháp khác.

4. Nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương tổ chức triển khai Kế hoạch này gắn với triển khai Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 10/9/2021 của BCH Đảng bộ tỉnh (Khóa XIV) về phát triển ngành nông nghiệp hiện đại, bền vững, có giá trị gia tăng cao; đơn đốc, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện hàng năm và theo yêu cầu.

- Rà soát các cơ chế, chính sách có liên quan đến phát triển nông nghiệp của Trung ương và của tỉnh, tham mưu cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Tổng hợp, cân đối, báo cáo ưu tiên bố trí vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021 - 2030 và trong kế hoạch 5 năm cho ngành nông nghiệp, nông thôn để thực hiện Kế hoạch. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và các địa phương triển khai hiệu quả cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

3. Sở Tài chính: Trên cơ sở đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại thời điểm lập dự toán hàng năm, Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao kinh phí sự nghiệp kinh tế hàng năm cho ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn để thực hiện Kế hoạch phù hợp khả năng ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bình Thuận: Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn. Chỉ đạo các tổ chức tín dụng cân đối nguồn vốn đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; rà soát, đơn giản hóa thủ tục vay vốn, đa dạng hóa các sản phẩm tín dụng và tăng cường kết nối giữa ngân hàng với doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân nhằm tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong tiếp cận nguồn vốn tín dụng, tạo điều kiện tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng để các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; đặc biệt là các doanh nghiệp đầu tư vào dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, công nghiệp chế biến nông sản, doanh nghiệp đầu mối liên kết trong sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị.

5. Sở Công Thương: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và địa phương triển khai thực hiện các chính sách thương mại hàng nông sản. Tổ chức triển khai các cơ chế, chính sách và hoạt động thúc đẩy tiêu thụ nông sản; hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp tham gia chuỗi cung ứng thương mại điện tử. Hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường tiêu thụ nông sản ở nước ngoài.

6. Cục Quản lý thị trường tỉnh: Kiểm soát chặt chẽ, xử lý nghiêm hoạt động buôn lậu và gian lận thương mại.

7. Sở Khoa học và Công nghệ: Triển khai hiệu quả công tác tuyển chọn các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh mang tính ứng dụng công nghệ cao, đổi mới công nghệ, áp dụng công cụ, quy trình quản lý hiện đại và các chương trình khoa học công nghệ khác nhằm hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý, quản lý, bảo vệ và khai thác, phát triển tài sản trí tuệ, sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

8. Sở Tài nguyên và Môi trường: Thực hiện các quy định pháp luật có liên quan theo hướng khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, phát triển thị trường quyền sử dụng đất trong nông nghiệp. Triển khai thực hiện các quy định của Trung ương về chính sách hỗ trợ phát triển nền nông nghiệp xanh, giảm phát thải và ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, sử dụng hiệu quả tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường khu vực nông nghiệp nông thôn, bảo tồn đa dạng sinh học.

9. Sở Thông tin và Truyền thông: Thực hiện các cơ chế chính sách hỗ trợ chuyển đổi số trong nông nghiệp, xây dựng làng, xã thông minh. Triển khai các nội dung về xây dựng hạ tầng thông tin truyền thông, hạ tầng số phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

10. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo: Thực hiện các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nông nghiệp, nông thôn gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn; đào tạo nghề gắn với địa chỉ sử dụng lao động cụ thể (doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh, hợp tác xã...). Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực phục vụ sản xuất kinh doanh nông nghiệp, chế biến, bảo quản nông sản đáp ứng nhu cầu của cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

11. Sở Nội vụ: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện chính sách đổi mới, tiếp tục hoàn thiện hệ thống bộ máy quản lý ngành nông nghiệp để cải cách thể chế, thủ tục quản lý, đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa, phân cấp cho các tổ chức nông dân, kinh tế hợp tác và khối tư nhân tham gia cung cấp dịch vụ công, đổi mới hoạt động đoàn thể xã hội theo nội dung Kế hoạch, theo quy định hiện hành và phù hợp với thực tiễn.

12. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Thực hiện phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; phối hợp triển khai các hoạt động thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm thuộc Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) cho khách du lịch.

13. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

- Căn cứ mục tiêu, định hướng và giải pháp của Kế hoạch này, tổ chức triển khai thực hiện phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn phù hợp với thực tiễn. Tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách Trung ương, của tỉnh đã ban hành. Bố trí ngân sách địa phương các cấp, huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế đầu tư vào phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Triển khai các giải pháp tăng cường liên kết, hướng tới phát triển các cụm liên kết sản xuất - bảo quản, chế biến - tiêu thụ nông sản gắn với các vùng nguyên liệu tập trung được cơ giới hóa đồng bộ, kết nối với cơ sở chế biến nông sản và hệ thống logistic, kênh phân phối, tiêu thụ nông sản.

14. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Nông dân tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội, các hội, hiệp hội ngành hàng, hội nghề nghiệp chủ động, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ngành, địa phương triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ cho người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp; tham gia trong công tác truyền thông, phản biện xã hội và vận động thành viên, hội viên, quần chúng nhân dân tham gia phát triển nông nghiệp, nông thôn. Tham gia đề xuất cơ chế chính sách và biện pháp khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân là thành viên tham gia đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể;
- Các sở, ngành tại mục V Kế hoạch;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, KT, Văn.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Phong